

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Lim Heon Young	Thành viên độc lập	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Nguyệt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng giám đốc
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Phạm Đỗ Huy Cường.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12111413/68430700/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BUỘC
G T
H H
YO
NAN
HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		39.892.707.800	49.220.792.131
110	I. Tiền	4	965.165.796	1.167.221.633
111	1. Tiền		965.165.796	1.167.221.633
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.368.955.678	46.483.248.093
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.886.157.471	32.135.869.563
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		381.900.000	106.500.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	23.151.091.980	17.699.706.255
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(5.050.193.773)	(3.458.827.725)
140	III. Hàng tồn kho		39.890.433	524.576.307
141	1. Hàng tồn kho		39.890.433	524.576.307
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		518.695.893	1.045.746.098
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		518.695.893	1.045.746.098
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.034.083.655.986	3.116.145.110.287
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	6	6.119.405.029	7.779.405.029
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.379.405.029	13.379.405.029
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(4.260.000.000)	(5.600.000.000)
220	II. Tài sản cố định		4.216.258.321	4.217.102.857
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	842.475.525	1.096.303.616
222	Nguyên giá		3.618.129.547	3.618.129.547
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.775.654.022)	(2.521.825.931)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	3.373.782.796	3.120.799.241
228	Nguyên giá		4.221.251.551	3.785.829.953
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(847.468.755)	(665.030.712)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	9	3.023.136.885.483	3.103.406.205.303
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.023.136.885.483	3.103.406.205.303
260	IV. Tài sản dài hạn khác		611.107.153	742.397.098
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		611.107.153	742.397.098
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.073.976.363.786	3.165.365.902.418



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

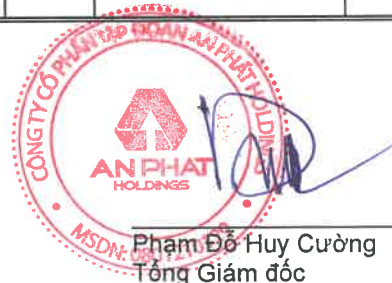
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		548.369.585.398	599.524.611.145
310	I. Nợ ngắn hạn		192.259.311.423	361.737.259.980
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.036.488.539	521.441.127
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	6.598.330.253	6.762.298.003
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	345.891.197	1.472.944.654
314	4. Phải trả người lao động		1.996.534.643	3.695.134.531
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	5.370.410.952	14.748.314.162
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		35.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.714.487.240	4.244.857.974
320	8. Vay ngắn hạn	13	175.162.168.599	330.292.269.529
330	II. Nợ dài hạn		356.110.273.975	237.787.351.165
337	1. Phải trả dài hạn khác	12	6.610.273.975	1.316.851.165
338	2. Vay dài hạn	13	349.500.000.000	236.470.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.525.606.778.388	2.565.841.291.273
410	I. Vốn chủ sở hữu	14.1	2.525.606.778.388	2.565.841.291.273
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.504.818.180	28.504.818.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.259.280.208	98.493.793.093
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		98.493.793.093	173.117.385.191
421b	- Lỗ kỳ này		(40.234.512.885)	(74.623.592.098)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.073.976.363.786	3.165.365.902.418

Hồ Thị Hòe
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	16.873.229.066	16.771.419.146
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	16.873.229.066	16.771.419.146
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	(3.825.054.775)	(10.593.863.469)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.048.174.291	6.177.555.677
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	7.121.427.634	44.382.926.193
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	17	(38.793.270.699) (25.196.404.583)	(67.670.310.735) (33.932.415.499)
25	7. Chi phí bán hàng		-	(64.101.504)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(20.085.113.995)	(26.432.554.732)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.708.782.769)	(43.606.485.101)
31	10. Thu nhập khác		8.191.780	100.698.660
32	11. Chi phí khác		(1.533.921.896)	(1.129.639.382)
40	12. Lỗ khác		(1.525.730.116)	(1.028.940.722)
50	13. Tổng lỗ trước thuế		(40.234.512.885)	(44.635.425.823)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
60	15. Lỗ sau thuế TNDN		(40.234.512.885)	(44.635.425.823)


 Hồ Thị Hòe
 Người lập kiêm Kế toán trưởng


 AN PHAT HOLDINGS
 MSĐN: 0811202401
 Phạm Đỗ Huy Cường
 Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(40.234.512.885)	(44.635.425.823)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		436.266.134	509.098.777
03	Các khoản dự phòng		251.366.048	2.920.493.889
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.318.286.990)	(49.348.133)
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		6.661.899.429	(14.085.227.189)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		26.421.950.879	37.499.526.623
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.781.317.385)	(17.840.881.856)
09	Giảm các khoản phải thu		16.421.141.792	1.423.589.187
10	Giảm hàng tồn kho		484.685.874	5.515.348.754
11	Giảm các khoản phải trả		(3.940.117.926)	(24.895.767.514)
12	Giảm chi phí trả trước		658.340.150	966.298.609
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.310.711.474)	(27.919.714.033)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2.988.526.228)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(24.467.978.969)	(65.739.653.081)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(435.421.598)	(490.000.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.000.000.000
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	4.870.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.000.000.000	233.747.110.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.266.391	10.517.396.250
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		67.591.844.793	249.644.506.250


 AN PHAT HOLDINGS
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 TẬP ĐOÀN AN PHÁT
 AN PHẬT HỖNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 78 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 77 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 17 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
I – Nhóm các công ty sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,17	50,17	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp					
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)(*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	27,52	54,85	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,68	93,04	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)(*)	Khu công nghiệp An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	47,51	99,997	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”)(*)	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	27,52	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 17 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp (tiếp theo)					
6	Công ty Cổ phần Thành Bisco (“Công ty An Thành”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	38,46	99,69	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”) (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	27,25	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,15	99,95	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty An Phát International, Inc. (“Công ty APA”) (*)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houston, bang Texas, Mỹ	50,17	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác.
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC (“Công ty AFC”) (*)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houston, bang Texas, Mỹ	37,63	75	Kinh doanh hạt nhựa.
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”) (*)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	39,11	62,75	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	39,11	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (“Công ty VIEXIM”) (*)	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	39,11	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	39,11	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	37,13	94,88	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 17 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp (tiếp theo)					
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”)*	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	36,83	100	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.
17	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics (“Công ty Ankor”)*	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	18,79	51	Sản xuất nhựa phân hủy sinh học và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

(*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) đề ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bản cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	18 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	35.396.560	79.396.560
Tiền gửi ngân hàng	929.769.236	1.087.825.073
TỔNG CỘNG	965.165.796	1.167.221.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Gulf Polymers Distribution	3.279.558.260	4.274.615.239
Công ty Green Industria E Comercio De Plasticos	1.357.519.087	1.290.428.143
Công ty Cổ phần Xây lắp ANI	-	11.487.771.006
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	15.249.080.124	15.083.055.175
TỔNG CỘNG	19.886.157.471	32.135.869.563
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(879.781.170)	(628.415.122)

6. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu lại khoản tạm ứng mua hạt nhựa do hủy hợp đồng	8.847.304.962	-	8.410.072.293	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	6.930.412.603	(4.170.412.603)	4.230.412.603	(2.830.412.603)
Cổ tức được chia	5.580.154.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.680.835.415	-	4.935.416.529	-
Phải thu khác	112.385.000	-	123.804.830	-
TỔNG CỘNG	23.151.091.980	(4.170.412.603)	17.699.706.255	(2.830.412.603)
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác	8.517.200.007	(4.170.412.603)	6.388.508.114	(2.830.412.603)
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	14.633.891.973	-	11.311.198.141	-
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	9.699.375.550	(4.260.000.000)	12.699.375.550	(5.600.000.000)
Ký quỹ dài hạn	680.029.479	-	680.029.479	-
TỔNG CỘNG	10.379.405.029	(4.260.000.000)	13.379.405.029	(5.600.000.000)
Trong đó:				
Phải thu dài hạn các bên khác	10.379.405.029	(4.260.000.000)	13.379.405.029	(5.600.000.000)

- (i) Bao gồm khoản phí chuyển nhượng và lãi phải thu với Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Công ty Hoàng Phương”) liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty cho công ty này trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Khoản phải thu này sẽ được thanh toán hàng tháng bởi Công ty Hoàng Phương đến tháng 4 năm 2027 theo Biên bản làm việc giữa Công ty và công ty này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	118.500.000	1.794.420.000	1.705.209.547	3.618.129.547
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	118.500.000	1.794.420.000	1.705.209.547	3.618.129.547
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	-	285.327.910	285.327.910
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	94.927.419	1.235.981.943	1.190.916.569	2.521.825.931
- Khấu hao trong kỳ	7.406.250	112.062.204	134.359.637	253.828.091
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	102.333.669	1.348.044.147	1.325.276.206	2.775.654.022
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	23.572.581	558.438.057	514.292.978	1.096.303.616
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	16.166.331	446.375.853	379.933.341	842.475.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.192.612.200	2.593.217.753	3.785.829.953
- Tăng trong kỳ	435.421.598	-	435.421.598
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.628.033.798	2.593.217.753	4.221.251.551
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết	117.198.200	-	117.198.200
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	474.528.745	190.501.967	665.030.712
- Khấu hao trong kỳ	110.356.569	72.081.474	182.438.043
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	584.885.314	262.583.441	847.468.755
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	718.083.455	2.402.715.786	3.120.799.241
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.043.148.484	2.330.634.312	3.373.782.796

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023			Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)		Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con								
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (i) (iii)	50,17%	2.799.079.302.446	2.119.250.703.700	-	50,17%	2.799.079.302.446	1.812.390.873.300	-
- Công ty Nhựa Hà Nội (i) (ii) (iii)	15,31%	223.957.583.037	189.725.236.000	-	20,80%	304.226.902.857	278.949.667.200	-
- Công ty An Cường	0,02%	100.000.000	(iv)	-	0,02%	100.000.000	(iv)	-
TỔNG CỘNG		3.023.136.885.483				3.103.406.205.303		

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty Nhựa Hà Nội được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch trên thị trường chứng khoán tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Trong tháng 4 năm 2024, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.000.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 5,49% vốn cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội với giá phí chuyển nhượng là 68 tỷ VND thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Một số cổ phần của các công ty con này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

(iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.254.803.287	970.074.767	(2.113.783.874)	111.094.180
Thuế thu nhập cá nhân	218.141.367	1.782.143.960	(1.765.488.310)	234.797.017
Thuế, phí khác	-	9.006.395	(9.006.395)	-
TỔNG CỘNG	1.472.944.654	2.761.225.122	(3.888.278.579)	345.891.197

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	5.370.410.952	14.157.121.640
Chi phí thuê văn phòng phải trả	-	591.192.522
TỔNG CỘNG	5.370.410.952	14.748.314.162

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	1.427.921.260	3.450.219.177
Phải trả ngắn hạn khác	286.565.980	794.638.797
TỔNG CỘNG	1.714.487.240	4.244.857.974
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>1.212.578.795</i>	<i>3.450.219.177</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>501.908.445</i>	<i>794.638.797</i>
Dài hạn		
Lãi vay phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 21)	6.610.273.975	1.316.851.165
TỔNG CỘNG	6.610.273.975	1.316.851.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2024
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Tăng	Giảm	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.1)	14.899.065.825	17.366.871.572	(21.398.018.798)	10.867.918.599
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13.2)	301.393.203.704	164.163.046.296	(302.000.000.000)	163.556.250.000
Vay các bên liên quan	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)	-
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	-	738.000.000	-	738.000.000
TỔNG CỘNG	330.292.269.529	182.267.917.868	(337.398.018.798)	175.162.168.599
Vay dài hạn				
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 13.2)	162.937.500.000	618.750.000	(163.556.250.000)	-
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	73.533.000.000	337.000.000.000	(71.033.000.000)	339.500.000.000
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 13.3)	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	236.470.500.000	347.618.750.000	(234.589.250.000)	349.500.000.000

13.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2024 với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.020.000 cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh được sở hữu bởi Công ty.

13.2 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường có giá trị theo mệnh giá là 165 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 9 năm 2023 với thời hạn 2 năm, đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Trái phiếu này có lãi suất cố định 11%/năm và lãi được trả sáu tháng/lần. Khoản trái phiếu này có tài sản đảm bảo là 29.500.000 cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh được sở hữu bởi Công ty. Theo Nghị quyết số 130601/2024/NQ - HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty sẽ thực hiện quyền mua lại toàn bộ trái phiếu trước hạn với thời gian dự kiến từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 16 tháng 9 năm 2024.

13.3 Vay đối tượng khác

Bao gồm một khoản vay tín chấp với một cá nhân đáo hạn vào ngày 19 tháng 2 năm 2026 với lãi suất cố định 6%/năm, lãi trả định kỳ sáu tháng/lần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.511.991.480.000	169.232.179.100	173.117.385.191	2.854.341.044.291
- Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(44.635.425.823)	(44.635.425.823)
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(503.696.493)	(503.696.493)
- Giảm do mua lại cổ phiếu ưu đãi	(73.148.800.000)	(140.727.360.920)	-	(213.876.160.920)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.438.842.680.000	28.504.818.180	127.978.262.875	2.595.325.761.055
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.438.842.680.000	28.504.818.180	98.493.793.093	2.565.841.291.273
- Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(40.234.512.885)	(40.234.512.885)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.438.842.680.000	28.504.818.180	58.259.280.208	2.525.606.778.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2.438.842.680.000	2.511.991.480.000
- Giảm do mua lại cổ phiếu ưu đãi	-	(73.148.800.000)
Số cuối kỳ	<u>2.438.842.680.000</u>	<u>2.438.842.680.000</u>

14.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
<i>Cổ tức bằng tiền cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi với tỷ lệ 3%/cổ phiếu</i>	-	503.696.493

14.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đăng ký phát hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	243.884.268	243.884.268
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu đã bán ra công chúng và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	243.884.268	243.884.268
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	243.884.268	243.884.268
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng doanh thu	16.873.229.066	16.771.419.146
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.958.152.500	8.467.740.453
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.877.076.566	8.303.678.693
<i>Doanh thu khác</i>	38.000.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.873.229.066	16.771.419.146
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	3.078.761.432	1.583.243.052
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	13.794.467.634	15.188.176.094

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.580.154.000	10.080.154.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.514.007.243	557.393.229
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27.266.391	145.378.964
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	33.600.000.000
TỔNG CỘNG	7.121.427.634	44.382.926.193

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn hàng bán	1.950.750.000	8.404.912.084
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.836.306.767	2.188.951.385
Giá vốn khác	37.998.008	-
TỔNG CỘNG	3.825.054.775	10.593.863.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	25.196.404.583	33.932.415.499
Lỗ chuyển nhượng cổ phiếu	12.269.319.820	29.799.880.784
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	1.225.546.296	3.567.111.124
Chi phí tài chính khác	102.000.000	370.903.328
TỔNG CỘNG	<u>38.793.270.699</u>	<u>67.670.310.735</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên quản lý	13.384.355.643	13.929.480.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.414.297.434	8.011.547.736
Chi phí khấu hao và hao mòn	427.341.161	437.017.303
Chi phí dự phòng	251.366.048	2.920.493.889
Chi phí bằng tiền khác	607.753.709	1.134.015.286
TỔNG CỘNG	<u>20.085.113.995</u>	<u>26.432.554.732</u>

19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	15.198.767.888	16.019.220.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.465.264.991	8.102.779.155
Chi phí khấu hao và hao mòn	436.266.134	509.098.777
Chi phí dự phòng	251.366.048	2.920.493.889
Chi phí bằng tiền khác	607.753.709	1.134.015.286
TỔNG CỘNG	<u>21.959.418.770</u>	<u>28.685.607.621</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(40.234.512.885)	(44.635.425.823)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(8.046.902.577)	(8.927.085.165)
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	5.033.827.638	6.757.407.307
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế Doanh thu hoa hồng kỳ trước đã xuất hóa đơn trong kỳ này	3.757.467.974	3.675.174.036
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	452.390.400	516.077.576
Thu nhập từ hoạt động không chịu thuế TNDN	306.823.081	224.564.053
Khác	(1.116.030.800)	(2.016.030.800)
	(387.575.716)	(230.107.007)
Chi phí thuế TNDN	-	-

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm/giai đoạn tài chính phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2024
2019	2024	3.823.735.471	(3.823.735.471)	-	-
2023	2028	13.989.506.409	-	-	13.989.506.409
2024	2029	18.787.339.870	-	-	18.787.339.870
TỔNG CỘNG		36.600.581.750	(3.823.735.471)	-	32.776.846.279

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

20.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2024
2019	2024	9.089.540.057	-	-	9.089.540.057
2020	2025	14.030.540.484	-	-	14.030.540.484
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
2022	2027	6.083.874.325	-	-	6.083.874.325
2023	2028	67.600.281.196	-	-	67.600.281.196
2024	2029	25.169.138.190	-	-	25.169.138.190
TỔNG CỘNG		137.310.046.760	-	-	137.310.046.760

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

30/06/2024
C
ÁCH
INH
V
7-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con
Công ty An Tiến	Công ty con
Công ty An Phát Complex	Công ty con
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con
Công ty An Thành Singapore	Công ty con
Công ty An Thành	Công ty con
Công ty An Tín	Công ty con
Công ty An Vinh	Công ty con
Công ty APA	Công ty con
Công ty AFC	Công ty con
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con
Công ty An Trung	Công ty con
Công ty VIEXIM	Công ty con
Công ty VMC	Công ty con
Công ty An Cường	Công ty con
Công ty PBAT	Công ty con
Công ty Ankor	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần AnCop	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày ở phần Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty An Tiến	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	636.000.000	420.000.000
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.955.333.334	2.536.363.638
		Đi vay	13.500.000.000	30.600.000.000
		Trả gốc vay	13.500.000.000	600.000.000
Công ty An Vinh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	643.000.000	829.363.636
		Đi vay	-	25.000.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	636.000.000	440.000.000
		Đi vay	-	36.000.000.000
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.662.981.800	1.344.981.094
		Chuyển nhượng cổ phần	-	74.200.000.000
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.461.000.000	452.727.273
		Cổ tức được chia	5.580.154.000	10.080.154.000
		Chuyển nhượng cổ phần	-	43.400.000.000
Công ty VIEXIM	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.000.000	109.090.908
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.746.152.500	8.425.649.545
		Đi vay	-	143.700.000.000
		Trả gốc vay	-	119.500.000.000
		Chi phí lãi vay	-	2.482.861.647
Công ty An Tín	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	636.000.000	420.000.000
		Trả gốc vay	14.000.000.000	-
		Đi vay	-	39.200.000.000
Công ty An Trung	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	636.000.000	210.000.000
		Đi vay	-	27.500.000.000
Công ty VMC	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.122.000.000	-
		Chi phí lãi vay	6.245.342.468	-
		Đi vay	323.500.000.000	-
		Trả gốc vay	44.000.000.000	-
Công ty PBAT	Công ty con	Chi phí lãi vay	260.659.137	258.542.055
		Trả gốc vay	12.795.000.000	2.340.000.000
		Đi vay	-	20.850.000.000
		Nhận lại gốc cho vay	-	5.170.000.000
Công ty Ankor	Công ty con	Nhận lại tiền đã tạm ứng để mua hàng hóa	531.828.731	3.189.900.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)				
Công ty Ankor	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	15.249.080.124	15.003.965.175
Công ty An Tiến	Công ty con	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	77.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	-	2.090.000
TỔNG CỘNG			15.249.080.124	15.083.055.175
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty Ankor	Công ty con	Phải thu lại khoản ứng trước do hủy hợp đồng	8.847.304.962	8.410.072.293
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Cổ tức được chia	5.580.154.000	-
Các cá nhân	Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Tạm ứng	206.433.011	2.901.125.848
TỔNG CỘNG			14.633.891.973	11.311.198.141
Phải trả người bán ngắn hạn (Mã số 311)				
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	887.685.999	442.750.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	6.234.840	2.824.000
TỔNG CỘNG			893.920.839	445.574.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Mã số 312)				
Công ty An Thành	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	6.598.330.253	6.762.298.003
TỔNG CỘNG			6.598.330.253	6.762.298.003
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)				
Công ty PBAT	Công ty con	Lãi vay	1.212.578.795	-
Công ty An Tín	Công ty con	Lãi vay	-	3.450.219.177
TỔNG CỘNG			1.212.578.795	3.450.219.177
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 12)				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Lãi vay	6.610.273.975	364.931.507
Công ty PBAT	Công ty con	Lãi vay	-	951.919.658
TỔNG CỘNG			6.610.273.975	1.316.851.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty PBAT	Công ty con	Vay ngắn hạn	738.000.000	-
Công ty An Tín	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	14.000.000.000
TỔNG CỘNG			738.000.000	14.000.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Vay dài hạn	339.500.000.000	60.000.000.000
Công ty PBAT	Công ty con	Vay dài hạn	-	13.533.000.000
TỔNG CỘNG			339.500.000.000	73.533.000.000

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2024:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	339.500.000.000	6%	Từ tháng 11 năm 2025 đến tháng 6 năm 2026	Tín chấp
Công ty PBAT	Công ty con	738.000.000	8,5%	Ngày 5 tháng 5 năm 2025	Tín chấp
TỔNG CỘNG		340.238.000.000			

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực	1.649.210.000	1.153.048.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.691.967.084	1.177.993.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024)	50.000.000	60.000.000
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024)	50.000.000	60.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		3.651.177.084	2.661.041.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thù lao của Ban kiểm soát	66.000.000	66.000.000
	66.000.000	66.000.000

22. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng và ô tô theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đến 1 năm	2.961.874.044	2.364.770.076
Trên 1 đến 5 năm	4.975.768.328	6.260.910.774
TỔNG CỘNG	7.937.642.372	8.625.680.850


23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

<i>Khoản mục</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Ngoại tệ các loại		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	376	15.665
Dirham (DIR)	1.680	1.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hồ Thị Hòa
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



Phạm Đỗ Huy Cường
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

